

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **01/2025/DS-ST**

Ngày **02-01-2025**

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Phạm Thị Lệ Hoa**

2. Ông **Trương Văn Sác**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân* huyện T, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Trần Đức Tuyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 260/2023/TLST- DS ngày 19 tháng 12 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2024/QĐXXST-DS ngày 04/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2024/QĐST-DS ngày 20/12/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Võ Văn N** - sinh năm 1972

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

* Đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn là ông **Lê Quang Đ**, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố Đ, thị trấn T, huyện T, Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh **Trần Anh T** - sinh năm 1981 (vắng mặt lần 2 không lý do)

Chị Nguyễn Thị B - sinh năm 1983 (có mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà **Nguyễn Thị T** - sinh năm 1953 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: số nhà 33, tổ 07, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện ngày 07/12/2023 và tại phiên tòa đại diện theo ủy*

quyền cho nguyên đơn là ông Lê Quang Đ trình bày:

Vào ngày 20/9/2022, vợ chồng anh Trần Anh T và chị Nguyễn Thị B có vay của ông Võ Văn N số tiền 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng) nhưng không lấy lãi suất, thời hạn vay là 06 tháng, đến ngày 20/3/2023 thì phải trả cho ông N số tiền trên, nhưng đến thời hạn mà vợ chồng anh T chị B không trả cho ông N.

Sau đó anh T , chị B tiếp tục viết 1 biên nhận nữa và lần viết biên nhận này có mẹ của anh T là bà Nguyễn Thị T cùng cam kết trả số nợ 650.000.000 đồng với thời gian trễ nhất là 3 tháng, tức là đến ngày 20/6/2023 sẽ trả dứt nợ.

Đến ngày 21/3/2024 chị Nguyễn Thị B đã trả cho ông N được 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Ngày 12/7/2024 chị Nguyễn Thị B đã trả cho ông N được 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Trước khi mở phiên tòa chị B đã trả thêm cho ông N được 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Từ khi vay đến nay chị B đã trả lãi cho ông N hàng tháng, lãi giảm theo số nợ gốc, chị B đã trả lãi cho ông N đến ngày 20/12/2024. Số tiền vợ chồng anh T , chị B còn nợ ông N là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa ông Đ yêu cầu: Yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh Trần Anh T và chị Nguyễn Thị B trả cho ông Võ Văn N số tiền vay gốc còn thiếu lại là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng), phần lãi từ ngày 21/12/2024 đến ngày xét xử không yêu cầu tính lãi. Nhưng phía bị đơn phải trả lãi từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 02.01.2025) cho đến khi trả xong số nợ gốc 250.000.000 đồng mức lãi suất 1%/tháng.

Đối với bà Nguyễn Thị T, ông N không yêu cầu bà T phải có trách nhiệm trả nợ, vì khi ký vào biên nhận nợ thì bà T chỉ là người chứng kiến.

* Bị đơn anh Trần Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên anh Trần Anh T không có bản tự khai và lời trình bày tại Tòa án.

*** Bị đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:**

Việc chồng chị B là Trần Anh T có vay của ông N số tiền 650.000.000 đồng thì chị B không biết, còn biên nhận thì anh T mang về cho chị B ký.

Khoảng tháng 6/2023 thì anh T bỏ đi đâu chị B không biết, nên sau đó ông N tìm gia đình chị B nói về số nợ mà anh T thiếu, nói chị B phải có trách nhiệm trả cho ông N số nợ 650.000.000 đồng.

Đến tháng 9/2023 ông N qua nhà chị B gặp chị B và gia đình nói chị B phải trả lãi cho ông N để ông N đóng lãi cho Ngân hàng, chị B đã trả lãi cho ông N hàng tháng, lãi giảm theo số nợ gốc, chị B đã trả lãi cho ông N đến ngày 20/12/2024, và

chị B đã nộp các phiếu chuyển khoản tiền lãi cho Tòa án.

Đến ngày 21/3/2024 chị B đã trả cho ông N số tiền 200.000.000 đồng, ngày 12/7/2024 chị B đã trả cho ông N được 150.000.000 đồng. Trước khi mở phiên tòa (ngày 02.01.2025) chị B đã trả thêm cho ông N được 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Hiện vợ chồng chị B còn nợ ông N số tiền vay gốc là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng), do kinh tế hiện đang khó khăn nên chị B xin ông N không tính lãi, và chị B xin được trả dần đến hết tháng 6/2025 chị B sẽ trả hết cho ông N số nợ còn lại.

*** Tại bản tự khai và biên bản hoà giải ngày 21/3/2024 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày:**

Bà T là mẹ ruột của anh Trần Anh T , số nợ của T với ông N thì bà T không biết, bà T xác nhận chữ viết Nguyễn Thị T và chữ ký tên là của bà T, lý do bà T ký tên là để ông N an tâm, nhưng do làm ăn thất bại nên hiện anh T chưa trả cho ông N được.

Hiện bà T cũng lớn tuổi rồi không làm gì ra tiền, bà T sẽ động viên anh T cố gắng trả tiền sớm cho ông N.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án chưa phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên, việc vi phạm này không làm ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Hai bên đều xác nhận anh Trần Anh T và ông Võ Văn N tự nguyện giao kết hợp đồng vay tiền ngày 20/3/2023, anh T có vay của ông N số tiền 650.000.000 đồng, trong quá trình giải quyết vụ án vợ anh T , chị B đã trả cho ông N được 400.000.000 đồng, số tiền anh T , chị B còn thiếu lại của ông N là 250.000.000 đồng, nay ông N yêu cầu anh T , chị B trả số tiền còn thiếu lại 250.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi từ ngày 21/12/2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn N.

Buộc bị đơn anh Trần Anh T và chị Nguyễn Thị B trả cho ông Võ Văn N số tiền còn lại 250.000.000 đồng, trong biên nhận hai bên không thoả thuận lãi suất, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự

là 10%/năm = 0,83%/tháng trên số tiền gốc 250.000.000 đồng từ ngày 02.01.2025 cho đến khi trả xong số tiền nói trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trần Anh T , chị Nguyễn Thị B có địa chỉ tại huyện T , tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T .

Bị đơn anh Trần Anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh Trần Anh T.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Xét thấy nguyên đơn ông Võ Văn N khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Trần Anh T , chị Nguyễn Thị B phải thanh toán số tiền vay gốc 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng), trong quá trình giải quyết vụ án, chị B đã trả được 400.000.000 đồng, số tiền thiếu còn lại là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng), đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[3] Xét thấy, bị đơn anh Trần Anh T chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện của ông N tại Tòa án. Tuy nhiên, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ, nhưng anh Trần Anh T vắng mặt không đến Tòa án.

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự: “Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó” nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh T không có sự phản đối nào đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết.

Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn N yêu cầu Tòa án xử buộc bị đơn Trần Anh T , chị Nguyễn Thị B phải trả số tiền vay gốc còn lại là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) là có căn cứ.

Tại phiên bị đơn chị Nguyễn Thị B thừa nhận vợ chồng chị Bía, anh T có nợ

ông Võ Văn N số tiền vay vốn gốc là 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng), trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị B đã trả cho ông N nhiều lần với số tiền 400.000.000 đồng, hiện nay anh T, chị B còn nợ ông Võ Văn N là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng), đây là tình tiết, sự kiện có thật không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 463; 466 của Bộ luật dân sự quy định về hợp đồng vay tài sản, nghĩa vụ trả nợ của bên vay, vợ chồng anh Trần Anh T, chị Nguyễn Thị B đã nhận tài sản vay thì phải có nghĩa vụ trả tiền cho bên cho vay khi đến hạn. Do đó, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Trần Anh T, chị Nguyễn Thị B thanh toán số tiền còn lại cho nguyên đơn là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).

Đối với yêu cầu tính lãi của ông N yêu cầu anh T, chị B phải trả lãi từ ngày xét xử (ngày 02.01.2025 cho đến khi trả xong số nợ nói trên) mức lãi 1%/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy, biên nhận hai bên xác lập ngày 20/3/2023 không có thoả thuận lãi, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự mức lãi suất không quá 10%/năm (0,83%/tháng). Do vậy anh T, chị B còn phải chịu lãi trên số nợ gốc 250.000.000 đồng mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày xét xử sơ thẩm ngày 02.01.2025 cho đến khi trả hết số tiền trên.

Tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền cho nguyên đơn ông Võ Văn N là ông Lê Quang Đ không yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm trả nợ cho ông N vì khi ký vào biên nhận nợ thì bà T chỉ là người chứng kiến, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị B về việc xin được trả dần trong vòng 6 tháng sẽ trả đủ cho ông N số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu trả dần của chị B nên Tòa án không có cơ sở để ghi nhận và yêu cầu này cũng không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì vợ chồng anh Trần Anh T, chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí trên số tiền trả cho ông N được tính như sau: 250.000.000đ đồng x 5% giá trị tài sản có tranh chấp = 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng).

- Hoàn trả lại cho ông Võ Văn N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 463; 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn N về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bị đơn anh Trần Anh T , chị Nguyễn Thị Bía.

2. Buộc vợ chồng anh Trần Anh T , chị Nguyễn Thị B phải trả cho ông Võ Văn N số tiền gốc 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày xét xử sơ thẩm ngày 02.01.2025 cho đến khi trả hết số nợ 250.000.000 đồng, mức lãi suất 0,83%/tháng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc vợ chồng anh Trần Anh T , chị Nguyễn Thị B phải nộp án phí có giá ngạch là 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng).

- Hoàn trả lại cho ông Võ Văn N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003682 ngày 12/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn anh Trần Anh T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chiến